

Án số: 58/2017/DS-PT

Ngày: 27 - 12 - 2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Viên

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiền

Bà Trần Thị Thanh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thiên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 41/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ; cư trú tại Tổ 1, H (số mới 02 đường A), phường V, thành phố N, Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị K; cư trú tại tổ T, phường V, Thành phố N, Khánh Hòa.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Hồng T; cư trú tại tổ T, Phường V, thành phố N, Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 7 năm 2015).

Bà Hồ Thị K và ông Lê Hồng T có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn T là Luật sư của Văn phòng luật sư Lê Văn T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Bà Mai Thị X; cư trú tại H, phường V, thành phố N, Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa

2. Bà Phan Lâm Duy T; cư trú tại L, thành phố N, Khánh Hòa (bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu triệu tập). Có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Châu Thị T; cư trú tại đường A, phường V, thành phố N, Khánh Hòa (Bà Hồ Thị K yêu cầu đưa thêm nhân chứng tại phiên tòa). Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tranh tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Ngày 28 tháng 4 năm 2013, bà có cho bà Hồ Thị K mượn 170.000.000 đồng, có làm giấy vay tiền, không thỏa thuận tính lãi. Đến ngày 08/01/2014, bà K vay thêm của bà 70.000.000 đồng, nên hai bên có làm hợp đồng vay tiền gộp chung thành 240.000.000 đồng, có sự xác nhận của bà Hồ Thị K và người chứng kiến sự việc là bà Mai Thị X. Giấy mượn tiền cũ 170.000.000 đồng bà đã trả lại cho bà K giữ. Trong hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2014 thì thời hạn trả tiền là ngày 07/9/2014. Trường hợp bà K không trả đúng thời gian ghi trong hợp đồng thì bà có toàn quyền sử dụng miếng đất rẫy tại chân đèo R, phường V và không thỏa thuận lãi suất. Tuy ghi trong hợp đồng là vậy nhưng bà không nhận thế chấp miếng đất rẫy nào của bà K. Hết thời hạn ghi trong hợp đồng đã lâu mà bà K vẫn không trả tiền nên nay bà yêu cầu bà K phải trả 240.000.000 đồng. Ngày 04/7/2016, bà có đơn xin giám định chữ ký “K” trong hợp đồng vay tiền đối với bà Hồ Thị K và có cung cấp cho Tòa án “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” có chữ ký, chữ viết của bà K. Trước đây bà yêu cầu bà K trả 16.800.000 đồng tiền lãi, nay bà không yêu cầu nữa.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Hồng T trình bày:

Vào tháng 02 năm 2012, mẹ ông là bà Hồ Thị K có vay của bà Nguyễn Thị Đ 20.000.000 đồng, nhưng bà Đ chỉ đưa cho mẹ ông 16.000.000 đồng vì đã lấy tiền lãi trước 4.000.000 đồng (lãi suất 20%/tháng). Khoảng vài tháng sau, vì không có tiền đóng lãi cho bà Đ, nên mẹ ông vay thêm bà Đ 10.000.000 đồng để trả lãi cho bà Đ và bà Đ chỉ đưa cho mẹ ông 4.000.000 đồng vì đã trừ lãi trước và sau. Cũng trong năm 2012, vì bệnh đau và không có tiền đóng lãi cho bà Đ, mẹ ông vay thêm của bà Đ 20.000.000 đồng, bà Đ đưa cho mẹ ông 10.000.000 đồng vì trừ tiếp khoản lãi trước và sau. Tổng cộng mẹ ông chỉ vay của bà Đ 50.000.000 đồng. Các lần vay và trả lãi giữa mẹ ông và bà Đ đều không làm giấy tờ và chỉ thỏa thuận miệng.

Nay bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu mẹ ông phải trả cho bà Đ 240.000.000 đồng tiền vay và 16.800.000 đồng tiền lãi mẹ ông không đồng ý, chỉ đồng ý trả cho bà Đ 50.000.000 đồng và trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện nay mẹ ông già yếu, bệnh tật và không có thu nhập.

Chữ ký “K” tại hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2014 không phải là chữ ký của mẹ ông, vì mẹ ông không biết chữ và chỉ lặn tay để xác nhận. Mẹ ông có

đơn yêu cầu giám định chữ “K” trong giấy mượn tiền nhưng không đồng ý cung cấp chữ ký, chữ viết theo yêu cầu của Tòa án vì mẹ ông không biết chữ, không biết viết.

- *Người làm chứng bà Mai Thị X trình bày:*

Bà làm thuê gần nơi bà Hồ Thị K ở nên quen biết bà K. Bà K cũng kể cho bà nghe có nhiều lần vay tiền của bà Đ. Vào ngày 08/01/2014, bà K có nhờ bà chở đến nhà bà Đ tại Tổ H, Phường V, Thành phố N để vay tiền. Tại đây bà có chứng kiến việc bà Nguyễn Thị Đưa cho bà Hồ Thị K 70.000.000 đồng. Sau đó, bà Đ có làm hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2014 với bà Hồ Thị K. Trong hợp đồng vay tiền, bà Đ ghi đồng ý cho bà K vay 240.000.000 đồng. Bà biết trước đó, bà Đ cho bà K vay 170.000.000 đồng, vay vào thời điểm nào thì bà không rõ. Hợp đồng vay lần này là cộng 170.000.000 đồng tiền vay cũ và 70.000.000 đồng tiền vay mới. Bà thấy bà Đ trả lại giấy vay tiền cũ 170.000.000 đồng cho bà K giữ. Bà Hồ Thị K nhờ bà đọc hợp đồng vay tiền 240.000.000 đồng cho bà K nghe và bà chứng kiến việc bà K ghi chữ “K” vào chỗ người vay tiền. Còn chữ “Hồ Thị K” là do bà viết theo yêu cầu của bà K nhờ viết giùm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N, quyết định:

Áp dụng các Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ. Buộc bị đơn bà Hồ Thị K phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Đ một lần số tiền là 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo qui định.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, bà Hồ Thị K có đơn kháng cáo không đồng ý đối với toàn bộ nội dung án Bản án sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và bị đơn bà Hồ Thị K giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2014 không có thật. Bà Hồ Thị K hoàn toàn không biết gì về hợp đồng này; chữ ký “K”, chữ viết “Hồ Thị K” không phải là của bà K. Kết luận giám định số 307/GĐTĐP/2016 ngày 24 tháng 8 năm 2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa cũng không xác định được chữ ký “K”, chữ viết “Hồ Thị K” có phải của bà Hồ Thị K hay không. Lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, của người làm chứng phía bà Đ có nhiều mâu thuẫn, như: số lần giao tiền, số tiền giao, người viết chữ “Hồ Thị K” trên Hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2014. Hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2014 ghi số tiền vay 240.000.000 đồng được chuyển giao làm 03 đợt nhưng bà Đ cũng không cung cấp được

chứng cứ để chứng minh cho việc giao 240.000.000 đồng cho bà K. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị K và trình bày: Bà cho bà Hồ Thị K vay 03 lần tiền, cụ thể: Ngày 28 tháng 4 năm 2013 vay 02 lần (một lần 100.000.000 đồng, một lần 70.000.000 đồng). Có viết giấy mượn tiền. Giấy mượn tiền này bà nhờ bà Phan Lâm Duy T là người đi bỏ mỗi hàng tạp hóa viết. Sau đó, bà K cùng với bà Mai Thị X đến nhà bà mượn tiếp 70.000.000 đồng. Bà cùng bà K lập Hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2014, với số tiền vay là 240.000.000 đồng cho cả 03 lần vay. Giấy mượn tiền ngày 28 tháng 4 năm 2013 bà đã đưa lại cho bà K. Hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2014 hoàn toàn là thật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hồ Thị K, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ. Buộc bà Hồ Thị K phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị K phải trả cho bà 240.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền đề ngày 08 tháng 01 năm 2014. Bà Hồ Thị K không thừa nhận đã vay 240.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Đ và không công nhận chữ ký “K” trong hợp đồng nêu trên là của bà vì bà không biết chữ. Kết luận giám định số 307/GĐTP/2016 ngày 24 tháng 8 năm 2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa, kết luận: Không đủ cơ sở để kết luận chữ ký “K” và chữ viết “Hồ Thị K dưới mục “Bên B” trong trang 02 (hai) “Hợp đồng vay tiền” giữa Bên A: Nguyễn Thị Đ và Bên B: Hồ Thị K; đề ngày 08/01/2014 (Ký hiệu A) với chữ ký “K” ở cuối các trang 01, 02, 03 và chữ viết “Hồ Thị K” dưới mục “Những người thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế” trên trang 03 tài liệu mẫu so sánh – ký hiệu M là có phải do cùng một người ký và viết ra.

[2] Bà Nguyễn Thị Đ cho rằng, bà cho bà Hồ Thị K vay tiền có sự chứng kiến của bà Mai Thị X và bà Phan Lâm Duy T. Tuy nhiên nội dung Hợp đồng vay tiền đề ngày 08 tháng 01 năm 2014 lại mâu thuẫn với lời khai của bà Nguyễn Thị Đ, bà Mai Thị X và của bà Phan Lâm Duy T về mục đích vay tiền (để mua đất rẫy), phương thức giao tiền (03 đợt), tài sản thế chấp (Miếng đất rẫy địa chỉ tại chân đèo R). Lời khai của bà Nguyễn Thị Đ và lời khai của Mai Thị X, bà Phan Lâm Duy T cũng có nhiều mâu thuẫn về số lần bà Đ giao tiền cho bà K, số lượng tiền giao của mỗi đợt, người viết chữ “Hồ Thị K” trên Hợp đồng vay tiền ngày 08 tháng 01 năm 2014.

[3] Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được phân tích nêu trên, bà Nguyễn Thị Đ không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc giao tiền cho bà Hồ Thị K.

[4] Như vậy, không có đủ cơ sở để xác định bà Hồ Thị K đã ký Hợp đồng vay tiền ngày 08 tháng 01 năm 2014 và bà Hồ Thị K đã nhận 240.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Đ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ, buộc bà Hồ Thị K phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Đ 240.000.000 đồng là không có cơ sở.

[4] Bà Hồ Thị K thừa nhận chỉ vay và đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Đ 50.000.000 đồng. Trong đó, tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi tính đến cuối năm 2013 là 20.000.000 đồng. Nên chỉ có căn cứ buộc bà Hồ Thị K phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày 01 tháng 02 năm 2012 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 22 tháng 8 năm 2017 là: $(30.000.000đ \times 14,5\%/năm \times 05 \text{ năm}) + (30.000.000đ \times 6 \text{ tháng} \times 1,35\%/tháng) + \{(30.000.000đ \times 22 \text{ ngày} \times 1,35\%/tháng) : 30 \text{ ngày}\} = 24.477.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 54.477.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hồ Thị K. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ. Buộc bà Hồ Thị K phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ 54.477.000 đồng (*Năm mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn đồng*).

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ là 185.523.000 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu năm trăm hai mươi ba ngàn đồng*).

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 9.276.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Đ 6.420.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/0003996 ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Hồ Thị K phải nộp 2.723.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Hồ Thị K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007507 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP.N;
- VKSND TP.N;
- Chi cục THADS TP.N;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Hữu Viên